

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 47/2026/DS-ST

Ngày 26-01-2026

*“V/v tranh chấp nghĩa vụ
thanh toán trong hợp đồng
mua bán hàng hoá”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Khôi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lương

Ông Lê Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Loan - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2024/TLST-DS ngày 15-10-2024 về việc *“Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hoá”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2026/QĐST-DS ngày 12-01-2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công T Thức ăn Hoa Ch (V.N). Địa chỉ: Khu kinh tế mở Chu Lai, xã Núi Th, thành phố Đà N. Do ông Lê Hùng Qu, chức vụ: Tổng Giám đốc làm đại diện.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Thu Th, sinh năm 1998; Địa chỉ: Khu kinh tế mở Chu L, xã Núi Th, thành phố Đà N; bà Th có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn Phước H, xã Chân M – Lăng C, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo tại bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Thu Thuý trình bày:

Công T Thức ăn Hoa Ch (VN) (gọi tắt là Công T) và ông Nguyễn Văn T phát sinh quan hệ mua bán thức ăn nuôi tôm theo Hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm số 30/HĐMB-MT-2019 ký ngày 01/01/2019, thời hạn hợp đồng đến hết ngày 31/12/2019. Thực hiện hợp đồng, Công T đã cung cấp đầy đủ số lượng và chất lượng hàng hóa như hai bên đã thỏa thuận cho ông T để phục vụ vụ nuôi của ông. Lô hàng phát sinh cuối cùng giữa ông T với Công T là vào ngày 23/12/2019. Kết thúc hợp đồng, hai bên đã lập Biên bản đối chiếu công nợ, ông T xác nhận số tiền còn nợ công T là 400.357.200 đồng (biên bản ngày 31/01/2020). Theo đó, từ ngày 23/3/2020 đến ngày 01/6/2022, ông T đã thanh toán cho Công T được 04 lần với số tiền tổng cộng: 170.000.000 đồng.

Từ đó đến nay, ông T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cũng như bất hợp tác trong việc thỏa thuận giải quyết công nợ với Công T. Như vậy, theo biên bản đối chiếu công nợ gần nhất lập vào ngày 31/01/2023 mà ông T đã ký xác nhận, tính đến thời điểm hiện tại, Ông Nguyễn Văn T còn nợ Công T Thức ăn Hoa Ch (V.N) số tiền: 230.357.200 đồng. Với tinh thần thiện chí, Công T đã rất tạo điều kiện về mặt thời gian cũng như nhiều lần chủ động liên hệ ông T để trao đổi, thỏa thuận, động viên ông thực hiện nghĩa vụ nhưng phía ông T vẫn cố tình trốn tránh. Theo Giấy nhận nợ và cam kết thanh toán lập ngày 21/12/2022, ông Nguyễn Văn T có cam kết đến hết năm 2023 sẽ thanh toán hết công nợ cho công T nhưng ông không thực hiện.

Nay hai bên không thể tự giải quyết tranh chấp bằng hình thức thương lượng, hòa giải được nữa. Do vậy, Công T Thức ăn Hoa Ch (V.N) yêu cầu Tòa xem xét và giải quyết:

1/ Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho Công T Thức ăn Hoa Ch (V.N) số tiền mua hàng còn nợ là: 230.357.200 đồng.

2/ Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả thêm phần lãi suất chậm thanh toán theo quy định tại khoản 4.2 của HĐMB, Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự với mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1.666%/tháng, 0.055%/ngày), tạm tính từ ngày 01/01/2024 (liền sau mốc thời gian ông T cam kết thanh toán cho công T nhưng không thực hiện) đến ngày 26/01/2026, tổng cộng 24 tháng 25 ngày với số tiền lãi là: $(230.357.200 \times 1.666\% \times 24 \text{ tháng}) + (230.357.200 \times 0.055\% \times 25 \text{ ngày}) = 95.273.434$ đồng.

Vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi mà ông Nguyễn Văn T phải trả cho Công T Thức ăn Hoa Ch (VN) tạm tính đến ngày 26/01/2026 là: $(230.357.200 \text{ đồng} + 95.273.434 \text{ đồng}) = 325.630.634$ đồng. Đồng thời yêu cầu buộc ông T phải trả phần lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất theo quy định pháp luật.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T không có mặt tại các buổi làm việc của Tòa án, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đầy đủ theo trình tự thủ tục các bước tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 275, 280, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho Công T Thức ăn Hoa Ch tổng số tiền gốc và lãi còn nợ tiền mua hàng tính đến ngày 26/01/2026 chưa thanh toán là 325.630.634 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Giữa Công T Thức ăn Hoa Ch (V.N) và ông Nguyễn Văn T có xác lập quan hệ mua bán hàng hoá là thức ăn nuôi tôm. Theo nội dung thoả thuận tại Hợp đồng mua bán, các bên thoả thuận nếu tranh chấp thì Toà án nơi nguyên đơn có trụ sở giải quyết nên theo quy định tại Điều 26, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hoá thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng thực hiện đầy đủ các bước tiến hành tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần không có lý do, Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Giữa Công T Thức ăn Hoa Ch với ông Nguyễn Văn T có ký kết với nhau Hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm số 30/HĐMB-MT-2019 ký ngày 01/01/2019. Theo đó, Công T Thức ăn Hoa Ch đã giao đủ hàng mà ông T đã mua theo Hợp đồng ký kết.

Sau khi ông T đã nhận hàng hoá là thức ăn nuôi tôm nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đủ như cam kết tại hợp đồng.

Hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ nhiều lần, lần gần nhất là ngày 31/01/2023 và đã tiến hành lập Biên bản đối chiếu công nợ, theo đó ông T còn phải tất toán số tiền còn nợ là 230.357.200 đồng.

Sau đó, Công T Thức ăn Hoa Ch thừa nhận ông T có trả thêm. Tính đến ngày xét xử, tổng số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 230.357.200 đồng.

Hợp đồng thể hiện ông Nguyễn Văn T là người trực tiếp ký kết với Công T Thức ăn Hoa Ch, đến nay ông Nguyễn Văn T chưa thanh toán xong tiền mua hàng là thức ăn nuôi tôm cho Công T Thức ăn Hoa Ch.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao kết hợp đồng thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi tôm nêu trên là có thật. Xét thấy, đây là hợp đồng mang tích chất dân sự với mục đích mua hàng và trả tiền hàng, thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự, hợp pháp nên được pháp luật công nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T vắng mặt tại các buổi làm việc, không có ý kiến trình bày nhưng căn cứ đối chiếu công nợ và sau khi có đối chiếu công nợ được hai bên ký xác nhận.

Từ những nhận định trên, có cơ sở để khẳng định đến nay ông Nguyễn Văn T còn nợ tiền gốc mua hàng của Công T Thức ăn Hoa Ch số tiền hàng là 230.357.200 đồng.

Do đó, cần buộc ông T phải có nghĩa vụ trả lại cho Công T Thức ăn Hoa Ch số tiền gốc chưa trả 230.357.200 là có cơ sở.

Công T Thức ăn Hoa Ch yêu cầu ông T trả tiền lãi suất chậm thanh toán theo quy định tại khoản 4.2 của HĐMB, Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự với mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1.666%/tháng, 0.055%/ngày), tạm tính từ ngày 01/01/2024 (liên sau mốc thời gian ông T cam kết thanh toán cho công T Thức ăn Hoa Ch nhưng ông T không thực hiện trả nợ) đến ngày 26/01/2026, tổng cộng 24 tháng 25 ngày với số tiền lãi như sau: $(230.357.200 \times 1.666\% \times 24 \text{ tháng}) + (230.357.200 \times 0.055\% \times 25 \text{ ngày}) = 95.273.434$ đồng.

Xét thấy, theo thỏa thuận tại khoản 4.2 tại Hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm nêu trên, giữa các bên có thỏa thuận lãi suất chậm trả.

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của Công T Thức ăn Hoa Ch yêu cầu lãi suất chậm trả với lãi suất 20%/năm là thấp hơn thỏa thuận tại Hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì bị đơn chỉ trả tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật mà không yêu cầu trả tiền lãi chậm trả theo hợp đồng đã ký kết. Xét thấy sự tự nguyện yêu cầu nêu trên có lợi cho bị đơn, phù hợp với lãi suất chậm trả được quy định tại Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công T Thức ăn Hoa Ch, theo đó buộc ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho Công T Thức ăn Hoa Ch tổng số tiền gốc 230.357.200 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 26/01/2026 là 95.273.434 đồng, tổng cộng 325.630.634 đồng là phù hợp.

[2.3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 274, 275, 280, 351, 401, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công T Thúc ăn Hoa Ch (V.N) về tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hoá với ông Nguyễn Văn T.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công T Thúc ăn Hoa Ch (V.N) số tiền mua hàng còn nợ tổng cộng là 325.630.634 (ba trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi nghìn, sáu trăm ba bốn) đồng theo Hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm số 30/HĐMB-MT-2019 ký ngày 01/01/2019, trong đó: nợ gốc 230.357.200 đồng, nợ lãi 95.273.434 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu 16.281.500 (mười sáu triệu, hai trăm tám mươi một nghìn, năm trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công T Thúc ăn Hoa Ch (V.N) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.622.000 (sáu triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006803 ngày 14-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26-01-2026). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND Khu vực 5-ĐN;
- Phòng THADS KV5-TP Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Khôi

